

Bản án số: **112/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/11/2019

Về việc: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến;
2. Ông Trương Văn Săng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Ð, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 376/2019/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp PM, xã PV, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh **Lê Thành P**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp PM, xã PV, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt đầy đủ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đtrình bày như sau:*

Chị và anh P chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 1988 và có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ đăng ký khi nào, ở đâu và hiện nay cũng không có giấy tờ chứng minh là có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng cờ bạc, sống với nhau không tình nghĩa, hiện tại chị không còn tình cảm với anh P nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Minh Phú, sinh ngày 10/02/1989, Lê Minh Lộc, sinh ngày 21/3/1991 và Lê Minh Quý, sinh ngày 03/4/2001. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét.

- Về tài sản chung: Do anh Lê Thành P xác định tài sản chung vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải trong vụ án này mà để giải quyết sau, nếu sau này có tranh chấp.

- Về nợ chung: không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Thành P trình bày như sau:*

Anh và chị Đ cưới nhau vào năm 1988 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ đăng ký khi nào, ở đâu và hiện nay cũng không có giấy tờ chứng minh là có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Đ có tình cảm với người khác. Anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

- Về con chung: anh thống nhất như chị Đ nêu, hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không có yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có tài sản chung. Nhà và đất tại xã Phú Vang hiện do anh đang quản lý là của cha, mẹ anh để lại cho anh, nên anh không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng chấp hành tốt việc triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Thành P từ năm 1988 đến nay là vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh Ph chấm dứt kể từ ngày tuyên án.

- Về con chung: Đã thành nên không yêu cầu giải nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay, chị Đ và anh P cùng xác định anh chị chung sống với nhau vào năm 1988 và có đăng ký kết hôn. Chị Đ xác định trước khi kết hôn với anh Phúc thì chị sống tại xã Lộc Thuận còn anh P sống tại xã Phú Vang. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 14/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vang và Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre thì chị Đ và anh P không có đăng ký kết hôn tại đây. Nhận thấy, chị Đ và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh P không hợp pháp, không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh P là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Chị Đ và anh P cùng xác định anh chị có 03 người con chung là Lê Minh Phúc, sinh ngày 10/02/1989, Lê Minh Lộc, sinh ngày

21/3/1991 và Lê Minh Quý, sinh ngày 03/4/2001. Hiện nay, các con chung đã thành niên, anh chị không yêu cầu xem xét nên không xét đến.

[3] *Về tài sản chung*: Do anh Lê Thành P xác định tài sản chung không có, chị Đẹp không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[4] *Về nợ chung*: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Thành P là vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh P chấm dứt kể từ ngày tuyên án.

2. Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 1.870.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003521, 0003522 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy,

chị Nguyễn Thị Đ được hoàn lại số tiền chênh lệch là 1.570.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Đ, anh Lê Thành Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Vang, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Lộc Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Văn Tuấn